

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Minh; ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12/07/2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21/3/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/06/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/06/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị B; sinh năm 1975; địa chỉ: thôn V, xã H, huyện H, tỉnh H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn T; sinh năm: 1974; địa chỉ: thôn Vĩnh H, xã H, huyện H, tỉnh H; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2024, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị B và anh Ngô Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 05/09/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc, do quan điểm sống vợ chồng không hợp nhau nên chị B và anh T đã ly thân nhau đã 7 năm từ 2017 đến nay. Hiện tại tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên chị B làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Ngô Thị Phương T, sinh ngày 21/9/2011 và Ngô Thị Phương N, sinh ngày 25/10/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Căn cước nhân dân, bản sao giấy khai sinh của các con; bản tự khai của chị B; bản tự khai của các con.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án. Ngày 24/4/2024 Tòa án ra thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ấn định ngày 09/5/2024 cho anh T, anh T nhận thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án để làm việc.

Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương đến trực tiếp tại nhà anh T để lấy lời khai anh T, tại buổi làm việc anh T trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc giải quyết xin ly hôn của chị B, nhưng do anh bận làm ăn nên không có thời gian đến Tòa án làm việc.

Về hôn nhân: Anh T thừa nhận có đăng ký kết hôn với chị B và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống nên chị B tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ từ năm 2021, sau đó anh T khuyên nhủ chị B quay về đoàn tụ nhưng đến năm 2022 chị B tiếp tục bỏ nhà đi. Nay chị B xin ly hôn anh T không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Vợ chồng có 2 người con chung tên là Ngô Thị Phương T, sinh ngày 21/9/2011 và Ngô Thị Phương N, sinh ngày 25/10/2015. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi 01 người con, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và kiên trì hòa giải nhưng bị đơn anh T không có mặt, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ

các quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật;

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Phan Thị B, đồng ý cho chị Bủy ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Ngô Thị Phương T, sinh ngày 21/9/2011 và Ngô Thị Phương N, sinh ngày 25/10/2015. Đề nghị Tòa án giao con chung tên là Ngô Thị Phương T, sinh ngày 21/9/2011, cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao con chung tên là Ngô Thị Phương N, sinh ngày 25/10/2015, cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh T đều không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản: Chị B và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX buộc nguyên đơn chị Phan Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Phan Thị B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ngô Văn T, đều có địa chỉ cư trú tại thôn V, xã H, huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải cho các bên đương sự nhưng bị đơn anh T không có mặt tại các buổi hòa giải, chị B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành tiếp tục hòa giải lần 2. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Ngô Văn T, nhưng bị đơn đã 02 lần vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn T và chị Phan Thị B trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Vĩnh, huyện Hương Khê theo Giấy đăng ký kết hôn số 31/2011 ngày 05/9/2011, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị B và anh T có nảy sinh mâu thuẫn, lí do mâu thuẫn là do 2 vợ chồng tính tình không hợp nhau. Từ năm 2017 đến nay chị B và anh T sống ly thân nhau hơn 7 năm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết. HĐXX thấy rằng hôn nhân giữa anh T và chị B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị B, đồng ý cho chị B được ly hôn với anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Ngô Thị Phương T, sinh ngày 21/9/2011 và Ngô Thị Phương N, sinh ngày 25/10/2015, hiện cháu T đang học lớp 7 tại Trường Trung học cơ sở Phú Gia, huyện Hương Khê và cháu N, đang học lớp 3 tại Trường Tiểu học xã Hương Vĩnh, huyện Hương Khê. Hội đồng xét xử xét thấy chị B và anh T đều đang trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và các con, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...*”, do đó nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của các đương sự đều chính đáng, đúng quy định và việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo tốt nhất mọi mặt về vật chất và tinh thần cho con. Hiện 2 con đều có nguyện vọng ở với mẹ, tuy nhiên nhận thức của các cháu chưa đầy đủ, do đó cần giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng con và Ngô Thị Phương N, sinh ngày 25/10/2015, còn cháu Ngô Thị Phương T, sinh ngày 21/9/2011, giao cho anh T tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp, đúng theo nguyện vọng của vợ chồng, đúng với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị B và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Anh T, chị B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị B và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị B được ly hôn với anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Ngô Thị Phương T, sinh ngày 21/9/2011 cho anh Ngô Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con chung tên là Ngô Thị Phương N, sinh ngày 25/10/2015, cho chị Phan Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T và chị B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Phan Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, chị B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007996 ngày 21/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Ngô Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã Hương Vĩnh;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Trọng Hùng